

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính nhà nước Quý III năm 2023

Thực hiện Công văn số 1823/SNV-CCHC ngày 31/8/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước về việc thực hiện Kết luận của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ; chế độ báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 1003/TTr-PNV ngày 06/9/2023,

UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính nhà nước Quý III năm 2023, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính

1. Về Kế hoạch cải cách hành chính, tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Lãnh đạo UBND huyện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ, văn bản của các Bộ, ngành liên quan, UBND tỉnh và ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác cải cách hành chính.

Đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện (Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện), Trên cơ sở đó, khẩn trương chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai, tập trung vào việc xây dựng cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

Ban chỉ đạo Cải cách hành chính huyện đã chỉ đạo các đơn vị rà soát lần 03 các tiêu chí, tiêu chí thành phần đạt điểm thấp, báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ Cải cách hành chính Nhà nước trong 09 tháng và đưa ra các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

Ban hành Công văn số 1138/UBND-NC ngày 08/6/2023 Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nâng cao Chỉ số Papi, Chỉ số Sipas và Chỉ số Par index năm 2023; Công văn số 1692/UBND-NC ngày 09/08/2023 về việc đôn đốc, triển khai một số nhiệm vụ Cải cách hành chính trên địa bàn huyện năm 2023.

2. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Trên trang website của huyện thường xuyên thực hiện việc tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính của Trung ương, tỉnh và huyện nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính trong các tầng lớp nhân dân và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện. Qua đó, nhận thức trong mỗi CB,CC,VC và nhân dân trên địa bàn huyện về công tác cải cách hành chính được nâng cao, góp phần từng bước xây dựng nền hành chính đảm bảo dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại.

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được các cơ quan, đơn vị lồng ghép trong các cuộc họp chi bộ, họp cơ quan. Cử cán bộ, công chức tham gia tập huấn các chuyên đề về cải cách hành chính. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện thường xuyên đưa các nội dung cải cách hành chính trên chương trình thời sự từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần có nội dung tin bài tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội tại địa phương.

UBND huyện đã duy trì chuyên mục về “Cải cách hành chính nhà nước” để tuyên truyền về công tác cải cách hành chính nhà nước, đặc biệt là tuyên truyền ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong huyện thông qua hệ thống truyền thanh ở các xã, thị trấn. Đặc biệt, UBND huyện đã hoàn thành đề án lắp đặt hệ thống truyền thanh không dây trên địa bàn 111 ấp, sóc và triển khai vận hành hệ thống truyền thanh về cơ sở (qua tần số FM 91,8 MHz). Trong Quý III năm 2023, Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện đã thực hiện được 12 chuyên mục về “Cải cách hành chính nhà nước” với 20 tin, bài; thời lượng phát sóng là 60 phút.

UBND huyện tuyên truyền Cải cách hành chính trên địa bàn huyện năm 2023 theo Kế hoạch 163/KH-UBND ngày 08/6/2023 và đang triển khai Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 12/7/2023 tổ chức Hội thi cải cách hành chính cấp huyện năm 2023, đã ban hành Quyết định số 813/KH-UBND ngày 13/7/2023 Quyết định thành lập Ban tổ chức, Ban giám khảo, Tổ giúp việc Hội thi Tuyên truyền Cải Cách hành chính cấp huyện năm 2023, dự kiến tổ chức Hội thi tuyên truyền Cải cách hành chính trong tháng 09/2023.

II. Cải cách thể chế

1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã triển khai và thực hiện nghiêm túc Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2016 của UBND tỉnh về ban hành chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Bình Phước.

Qua theo dõi, rà soát công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện và các xã, thị trấn cơ bản đã đáp ứng yêu cầu mục tiêu

quản lý nhà nước, quy định các biện pháp phát triển Kinh tế - Xã hội, củng cố An ninh - Quốc phòng, giữ vững trật tự - xã hội của địa phương, cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ huyện đã đề ra. Trong Quý III năm 2023, HĐND, UBND huyện đã ban hành 06 văn bản QPPL.

2. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 26/01/2023 về kế hoạch công tác Tư pháp năm 2023; Kế hoạch 13/KH-UBND ngày 26/01/2023 của UBND huyện về thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Hón Quán.

III. Cải cách thủ tục hành chính

1. Tiếp tục rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật, rà soát bộ thủ tục hành chính

Tiếp tục Triển khai Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Triển khai Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Văn phòng HĐND và UBND huyện thường xuyên rà soát đánh giá việc thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc tất cả các lĩnh vực để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung thay thế, hủy bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp, không cần thiết.

Tính đến thời điểm báo cáo tổng số TTHC cấp huyện là 245 thủ tục (gồm 18 TTHC mức độ 2, 31 TTHC mức độ 3, 196 TTHC mức độ 4), cấp xã là 127 TTHC (gồm 06 TTHC mức độ 2, 29 TTHC mức độ 3, 92 TTHC mức độ 4).

Đã cập nhật và niêm yết 10 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành trong việc công bố những TTHC sửa đổi, bổ sung được tiếp nhận nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Trong đó có 01 quyết định thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 quyết định thuộc Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội, 03 quyết định thuộc lĩnh vực Công thương – Kinh tế Hạ tầng, 02 quyết định thuộc lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch, 01 quyết định thuộc lĩnh vực Thông tin Truyền thông, 02 quyết định thuộc lĩnh vực Kế hoạch Đầu tư.

2. Thực hiện niêm yết công khai các bộ thủ tục hành chính

UBND huyện tiếp tục thực hiện Công văn số 1026/UBND-KSTTHC ngày 14/7/2014 của UBND huyện về việc niêm yết và thực hiện thủ tục hành chính. Kịp thời cập nhật, niêm yết, công khai các quy định về thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã; tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Bộ trí 01 công chức chuyên môn thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quy định.

Về công khai thủ tục hành chính: Bộ TTHC được đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công do Sở Thông tin truyền thông quản lý và trên trang Website của UBND huyện: <http://www.honquan.binhphuoc.gov.vn>.

Công khai địa chỉ tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị và hướng dẫn tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Trong niên độ báo cáo, Bộ phận Một cửa huyện nhận được tổng số phản ánh kiến nghị là 16 (lĩnh vực thuế 01 PAKN, đất đai 13 PAKN, lĩnh vực khác 02). Kết quả đã giải quyết 16/16 PAKN kịp thời.

3. Kết quả giải quyết TTHC

- Cấp huyện: tiếp nhận tổng cộng 9.568 hồ sơ, trong đó có 656 hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến, 4.491 hồ sơ mới tiếp nhận trực tiếp và 4.421 hồ sơ của kỳ trước chuyển qua.

+ Kết quả: đã giải quyết là 5.561 hồ sơ (trước và đúng hạn là 5.505 hồ sơ, 56 hồ sơ quá hạn); đang giải quyết 4.007 hồ sơ, có 02 hồ sơ quá hạn giải quyết (*đính kèm phụ lục*)

+ Như vậy, tổng cộng cấp huyện giải quyết trễ hạn tính đến thời điểm báo cáo là 58 hồ sơ thuộc các lĩnh vực gồm: Giáo dục và Đào tạo (5 hồ sơ), Tài nguyên Môi trường (6 hồ sơ), Tài chính - Kế hoạch (2 hồ sơ), Kinh tế Hạ tầng (01 hồ sơ), Hộ tịch (6 hồ sơ), Đất đai – Chi nhánh VPĐK (38 hồ sơ).

- Cấp xã: 13 xã và thị trấn tiếp nhận tổng cộng 2.672 hồ sơ, trong đó có 1.884 hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến, 734 hồ sơ mới tiếp nhận trực tiếp và 54 hồ sơ của kỳ trước chuyển qua.

+ Kết quả: đã giải quyết 2.614 hồ sơ (gồm 2.601 hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn, 13 hồ sơ giải quyết trễ hạn), đang giải quyết 55 hồ sơ có 03 hồ sơ trễ hạn. Như vậy có tổng cộng 16 hồ sơ trễ hạn tại các đơn vị gồm: An Khương (02 hồ sơ), Tân Hưng (02 hồ sơ), Thanh An (01 hồ sơ), Tân Khai (01 hồ sơ), Tân Quan (03 hồ sơ), Minh Đức (02 hồ sơ), Thanh Bình (01 hồ sơ), Phước An (01 hồ sơ), Tân Lợi (03 hồ sơ).

- Các nguyên nhân dẫn đến việc hồ sơ trễ hạn:

Một số ít hồ sơ do hệ thống DVC bị lỗi nên treo hồ sơ dẫn tới báo trễ, hệ thống lỗi nên công chức phụ trách bấm kết thúc không được, đến lúc bấm đã trễ hạn dù hồ sơ đã trả cho dân như xã Thanh Bình, An Khương, Thanh An; thị trấn Tân Khai có 01 hồ sơ Lao động, thương binh trễ cho Văn phòng tỉnh chậm trễ bước xử lý hồ sơ hoặc hồ sơ chờ cấp giấy khai sinh của xã Tân Quan chờ Bộ Công an xử lý; thực tế chậm trễ ở từng bước xử lý dù hồ sơ vẫn được kết thúc ngay trong ngày hẹn, ngoài ra thực tế vẫn có hồ sơ xử lý trễ hạn.

- Về gửi thư xin lỗi người dân: hiện có UBND xã Minh Đức thực hiện, các đơn vị khác chưa thực hiện.

(Đính kèm phụ lục 3).

IV. Cải cách tổ chức bộ máy

1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế cơ quan, đơn vị trực thuộc

Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính, đơn vị sự nghiệp được UBND tỉnh giao, biên chế của UBND huyện như sau:

- Cấp huyện được giao 74 biên chế biên chế đã thực hiện 65 biên chế; tỷ lệ cơ quan chuyên môn cắt giảm so với năm 2015 (từ 13 đơn vị còn 12 đơn vị, giảm 01 đơn vị) chiếm 8%.

- Sự nghiệp Văn hóa – Thông tin là 15 biên chế, biên chế đã thực hiện: 15 biên chế; Y tế: biên chế giao là 136 biên chế, đã thực hiện là 122 biên chế.

- Sự nghiệp khác: biên chế giao 31 biên chế, biên chế đã thực hiện: 21 biên chế.

- Tổng biên chế viên chức Giáo dục được giao là 1.190 biên chế (theo Nghị định 273/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của UBND tỉnh), tổng số biên chế thực hiện là 1.129 biên chế. Có 06 trường hợp tinh giản theo Quyết định 265/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 của UBND tỉnh, tỷ lệ tinh giản so với năm 2015 là 2%. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập là 33 đơn vị, tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập cắt giảm so với năm 2015 (từ 47 đơn vị còn 33 đơn vị, giảm 14 đơn vị) là 29,78%.

- Tổng số cán bộ, công chức cấp xã tính đến thời điểm hiện tại 285/295 biên chế, trong đó cán bộ là 154/295 người, đạt chuẩn là 151 người; công chức là 141/295 người, đạt chuẩn là 141 người.

2. Về thực hiện phân cấp quản lý

UBND huyện luôn quan tâm chỉ đạo công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CB,CC,VC kịp thời đảm bảo quy định phân cấp của UBND tỉnh góp phần ổn định bộ máy, nhân sự và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị nói riêng và của UBND huyện nói chung.

Những quy định phân cấp của UBND tỉnh đã tạo sự chủ động, nâng cao vai trò, xác định rõ trách nhiệm của UBND huyện trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CB,CC,VC phù hợp với tiến trình cải cách hành chính và sát với tình hình thực tế của địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở ngành, lĩnh vực của địa phương.

V. Cải cách chế độ công vụ

1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Các cơ quan, đơn vị đã sử dụng, sắp xếp, bố trí và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức phù hợp với

trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng công chức, viên chức. Tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tuyển dụng công chức, viên chức:

Trong Quý III năm 2023, UBND huyện đã tổ chức:

- Tuyển dụng viên chức với 89 chỉ tiêu (trong đó gồm Bạc Mầm non: 26 biên chế; Bạc Tiểu học: 30 biên chế; bậc Trung học cơ sở: 07 biên chế; Trung tâm Y tế: 17 biên chế, Trung tâm GDNN-GDTX: 02 biên chế; Kho lưu trữ: 01 biên chế, Trung tâm DVNN: 03 biên chế; Ban Quản lý dự án: 03 biên chế);

- Đang tiến hành tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã với 11 vị trí, gồm: 05 công chức Văn hóa – Xã hội, 02 công chức Tư pháp – Hộ tịch, 02 công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường, 01 công chức Tài chính – Kế toán, 01 công chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã.

3. Công tác cán bộ, công chức, viên chức

- Cấp huyện: bổ nhiệm: 01 trường hợp¹; bổ nhiệm lại: 01 trường hợp²; miễn nhiệm Ủy viên UBND huyện: 01 trường hợp³; bầu bổ sung ủy viên UBND huyện: 01 trường hợp⁴; nghỉ hưu: 03 trường hợp⁵; chuyển đổi vị trí công tác: 04 trường hợp⁶; biệt phái: 02 trường hợp⁷; thôi biệt phái: 01 trường hợp⁸; tiếp nhận vào công chức cấp huyện: 01 trường hợp⁹; tiếp nhận viên chức: 02 trường hợp¹⁰; phân công công tác: 03 trường hợp¹¹; giới thiệu viên chức liên hệ công tác: 13 trường hợp¹²; chuyển công tác: 03 trường hợp¹³; ban hành Quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và các đơn vị sự nghiệp Y tế, Văn hóa và sự nghiệp khác (số lương người làm việc) đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; giao hợp đồng

¹ Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang: Trưởng phòng Nội vụ.

² Ông Nguyễn Thanh Sang – Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp.

³ Ông Nguyễn Văn Kiện: nguyên Trưởng phòng Văn hóa – Thông tin huyện.

⁴ Ông Nguyễn Việt Đợi: Trưởng phòng Văn hóa – Thông tin huyện.

⁵ Bà Đàm Thị Ngoan: trường THCS Tân Khai; bà Phạm Thị Nhất; bà Phạm Thị Điệp: trường TH&THCS Tân Lợi.

⁶ Bà Bùi Thị Thu Thảo – Kế toán THCS Tân Hưng; bà Lê Thị Dung – Kế toán trường THCS Thanh An; bà Võ Thị Thanh Thủy - Kế toán trường TH&THCS Thanh Bình; bà Lê Thị Hồng – Kế toán trường TH Tân Khai A.

⁷ Ông Phạm Lương Tứ: VP HĐND – UBND huyện đến Văn phòng Huyện ủy; bà Trần Lan Anh: trường TH Tân Khai B đến phòng Tài chính – Kế hoạch.

⁸ Bà Trần Lan Anh: trường TH Tân Khai B đến phòng Tài chính – Kế hoạch.

⁹ Ông Lê Văn Hồng: viên chức Kho lưu trữ huyện làm sang công chức Văn phòng HĐND – UBND huyện.

¹⁰ Bà Phan Thị Tinh: TP Đà Nẵng đến trường TH Thanh An; bà Lê Thị Kim Phượng: tỉnh Bình Dương đến trường TH&THCS Tân Hiệp.

¹¹ Bà Lê Thị Kim Liên: phòng TN&MT; bà Nguyễn Thị Thùy Dung: trường TH&THCS Minh Tâm đến TH Tân Khai A.; bà Mai Thị Nga: trường MN An Phú đến trường MN Tân Hiệp.

¹² Bà Quan Thị Tứ; bà Trịnh Thị Thu Hà: Trung tâm Y tế; bà Lê Thị Hải Lý: MN An Khương; bà Hoàng Thị Bích: THCS Tân Khai; bà Lê Thị Lợi: THCS Tân Hưng; ông Nguyễn Gia Đô: THCS Tân Hưng; bà Bùi Thị Quỳnh Nga: TH&THCS An Phú; ông Phan Văn Quốc; bà Đinh Thị Huệ: Th&THCS Tân Lợi; bà Hà Thị Thu Vân: TH Đồng Nơ; ông Võ Ngọc Linh: THCS Thanh An; bà Võ Thị Hiền: trường TH Trà Thanh; ông Phạm Đình Trường; trường TH&THCS An Khương.

¹³ Bà Nguyễn Đình Phương Thảo: phòng Tài chính – Kế hoạch đến BHXH TX Bình Long; ông Lã Quang Thịnh: phòng Nội vụ đến BHXH TX Bình Long; bà Hoàng Thị Bích: trường THCS Tân Khai đến UBND TX Bình Long.

theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024; báo cáo giao biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024; ban hành Quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện (gồm 10 phòng ban; Trung tâm Y tế huyện và 33 trường học); Ban hành Kế hoạch kiểm điểm theo Kết luận số 219/KL-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp Giáo dục bổ nhiệm mới 01 trường hợp, 03 trường hợp bổ nhiệm lại và 01 trường hợp không bổ nhiệm lại; phê duyệt danh sách đánh giá và xếp loại chất lượng đối với tập thể và Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023; ban hành văn bản đề nghị bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc huyện theo Thông tư mới.

- Cấp xã: điều động 01 trường hợp¹⁴; thôi kiêm nhiệm: 01 trường hợp¹⁵; kiêm nhiệm: 05 trường hợp¹⁶; thuận chủ trương hỗ trợ thêm đối với chức danh NHĐKCT cấp xã: 10 trường hợp; ban hành văn bản thuận chủ trương và Quyết định phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch UBND xã: Phước An, Thanh An.

4. Kiểm tra Cải cách hành chính và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Quán triệt sâu rộng Chỉ thị 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Tiếp tục thực hiện Công văn số 1031/UBND-VX ngày 14/6/2022 của UBND huyện về việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính;

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác Cải cách hành chính nhà nước năm 2023, Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 03/4/2023 kiểm tra công tác Cải cách hành chính Nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện và đã tiến hành kiểm tra Cải cách hành chính đợt 1 đối với 15 đơn vị, đang tiến hành kiểm tra 10 đơn vị còn lại theo Kế hoạch.

Đã tiến hành kiểm tra chuyên đề Kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với 10 đơn vị (07 UBND xã, thị trấn và 03 cơ quan chuyên môn thuộc huyện) thực hiện theo Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 kiện toàn Tổ kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn huyện, Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND huyện. Đồng thời, UBND huyện đã kiểm tra Kỷ luật kỷ cương hành chính tại 15 đơn vị lồng ghép với Đoàn kiểm tra Cải cách hành chính. Trong thời gian tới sẽ tổ chức kiểm tra thêm các đơn vị còn lại.

¹⁴ Ông Cao Minh Công: Chủ tịch xã Phước An đến UBND xã Thanh An.

¹⁵ Bà Trinh Phạm Thanh Dịu: công chức TT Tân Khai.

¹⁶ Ông Chu Minh Phương: xã An Khương; ông Lê Đình Lý: kiêm nhiệm Chủ tịch HĐND xã Thanh An; chức danh Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi – Nông – Lâm nghiệp; chức danh Dân tộc – Tôn giáo xã Tân Quan; chức danh phụ trách Đài truyền thanh – Quản lý nhà văn hóa xã Tân Hiệp.

2. Thực hiện hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ CCHC được UBND huyện giao tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện, cụ thể:

a) Nêu cao vai trò của người đứng đầu, xác định và xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể làm ảnh hưởng đến kết quả chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của huyện theo Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND huyện về Quy định trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị nhà nước về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

b) Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính, trong đó có cải cách thủ tục hành chính đảm bảo phục vụ tốt người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC), cụ thể:

- Định kỳ, rà soát các thủ tục hành chính do Trung ương, UBND tỉnh công bố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung để tham mưu Chủ tịch UBND huyện công bố kịp thời theo quy định.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC trên dịch vụ công.

- Về giải quyết thủ tục hành chính:

- + Đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng hạn.

- + Không để tổ chức, cá nhân đi lại quá một (01) lần để bổ sung hồ sơ; trường hợp hồ sơ trễ hạn (nếu có) phải có văn bản nêu rõ lý do, xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định.

- Đảm bảo 100% thủ tục hành chính được cập nhật kịp thời và công khai tại cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị đầy đủ, đúng quy định.

c) Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị:

- Với mục tiêu nâng cao văn hóa công vụ, chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm và không vi phạm Đề án văn hóa công vụ ban hành kèm theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 26/CT-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

d) Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 với mục tiêu 60% số TTHC cung ứng trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trở lên có phát sinh hồ sơ trong năm. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu phải sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ và trong chỉ đạo điều hành, tập trung

chỉ đạo thực hiện đảm bảo văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương dưới dạng điện tử phải đạt từ 90% trở lên. Tăng cường sử dụng và khai thác có hiệu quả phần mềm một cửa điện tử, hồ sơ giải quyết được theo dõi cập nhật, đầy đủ, kịp thời trên hệ thống phần mềm.

- Duy trì thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động các cơ quan, đơn vị.

e) Đảm bảo sắp xếp tổ chức nhân sự tinh gọn, phù hợp, đúng quy định.

g) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, phấn đấu tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ, công chức cấp xã đạt 100%.

h) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước bằng nhiều hình thức, phương tiện thông tin đại chúng tại cơ quan, đơn vị. Tổ chức Hội thi tuyên truyền cải cách hành chính cấp huyện.

i) Chuẩn bị hồ sơ đánh giá, chấm điểm Cải cách hành chính năm 2023 vào tháng 11/2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước Quý III năm 2023 trên địa bàn huyện Hớn Quản, kính gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo quy định./.

(Kèm theo Báo cáo là các Phụ lục)

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- TTHU, TTHĐND huyện;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Các phòng chuyên môn;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; CV: NC (Trang);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *phb*

12/6

Vũ Xuân Trường

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH
CHÍNH TẠI UBND HUYỆN HÓN QUẢN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 08 /09/2023
của Ủy ban nhân dân huyện Hón Quản)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	25	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	44	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	32	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số đơn vị thuộc, trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	15	
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	6	
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	6	
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	6	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
5.1	Số lượng phiếu khảo sát tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Số lượng		
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
II	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	06	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	

2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý, kiến nghị	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	xử lý sau kiểm tra			
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát theo thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thông kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	10	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục		
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục		
1.4.2	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	245	
1.4.2	Số TTHC cấp xã (13 xã, thị trấn)	Thủ tục	127	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	99%	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	5561	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	5505	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5%	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	2614	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	2601	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	16	

3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	16	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu	Cơ quan, đơn	40	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	có)	vị		
1.3	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	31%	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	74	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	66	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Người	0	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.190	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.129	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	06	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	2%	
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn đã xây dựng vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã xây dựng vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	40	
1.3	Số cơ quan, đơn vị có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	

2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	89	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn,	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)			
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1	Số lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	370.826	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	221.651	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo) (nếu có)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	43	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	00	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	02	Trung tâm Y tế huyện
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	40	

2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành tác nghiệp	%	100%	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử		100%	
5.3.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	Cấp huyện: 12,65% Cấp xã: 22,8%	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	Cấp huyện: 31	

			Cấp xã: 29	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	Cấp huyện: 26/28 TTHC, mức độ 3 4 đạt 92,9%. Cấp xã: 13 xã đạt 100%.	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	Cấp huyện: 80% Cấp xã: 77,4%	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	Cấp huyện: 196 Cấp xã: 92	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	Cấp huyện: 196 Cấp xã: 92	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	Cấp huyện: 26/28 TTHC, mức độ 3 4 đạt 92,9%. Cấp xã: 13 xã đạt 100%.	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	Cấp huyện: 92.7% Cấp xã: 95.3%	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị, địa phương	Thủ tục	Cấp huyện: 227 Cấp xã: 121	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	Cấp huyện: 227 Cấp xã: 121	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến	%	Cấp huyện: 977/977 hồ sơ (100%) Cấp xã: 13 xã đạt 100%	
STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)			
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	Cấp huyện: 9568 hồ sơ; Cấp xã: 2672	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	Cấp huyện: 656 hồ sơ; Cấp xã: 1184	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	Cấp huyện: 22/35 tổng hồ sơ TTHC đạt 92.9%; Cấp xã: 13 xã đạt mức Trung bình, thấp nhất là xã Minh Đức 35.7%, cao nhất là xã Đồng Nơ đạt 90.9%	

6.5.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.5.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		

Phụ lục 3

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND HUYỆN HÓN QUẢN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 08 /9 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hón Quản)

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết			Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi cl
		Tổng số	Trong kỳ			Tổng số	Trước hạn và Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Thực tuyến	Từ kỳ trước	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính							
I.Cấp huyện:		9568	656	4421	4491	5561	5505	56	4007	4005	2	
01	Phòng GD&ĐT	52	51	1	0	51	46	5	1	1	0	
02	Phòng Nội vụ	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	
03	Phòng LĐ-TB&XH	163	150	13	0	155	155	0	08	08	0	
04	Phòng Kinh tế Hạ tầng	35	25	10	0	26	25	1	9	9	0	
05	Phòng TNMT	3474	1	3011	462	922	917	5	2552	2551	1	
06	Phòng Tư pháp	123	120	03	0	116	110	6	7	7	0	
07	Phòng TC-KH	171	168	3	0	164	162	2	7	7	0	
08	Chi nhánh VPĐK	5549	140	1380	4029	4126	4089	37	1423	1422	1	
09	Phòng GD&ĐT	52	51	1	0	51	46	5	1	1	0	
10	Phòng Nội vụ	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	

II.Cấp xã:		2672	1884	54	734	2614	2601	13	55	52	3	
01	xã An Khương	169	154	15	0	157	155	2	12	12	0	
02	xã An Phú	92	91	1	0	91	91	0	0	0	0	
03	xã Minh Tâm	56	56	0	0	53	53	0	3	3	0	
04	xã Tân Hưng	178	175	3	0	173	173	0	5	3	2	
05	xã Thanh An	582	191	4	387	582	581	1	0	0	0	
06	thị trấn Tân Khai	349	334	7	8	332	331	1	17	17	0	
07	xã Tân Quan	84	75	9	0	83	80	3	1	1	0	
08	xã Minh Đức	47	40	7	0	43	41	2	4	4	0	
09	xã Đồng Nơ	248	52	0	196	245	245	0	3	3	0	
10	xã Thanh Bình	489	346	1	142	488	487	1	0	0	0	
11	xã Phước An	105	105	0	0	102	102	0	2	1	1	
12	xã Tân Lợi	228	221	7	0	220	217	3	8	8	0	
13	xã Tân Hiệp	45	44	0	1	45	45	0	0	0	0	

Phụ lục 5

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC CỦA UBND HUYỆN HÓN QUẢN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 316 /BC-UBND ngày 08 / 9 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hón Quản)

Stt	Lĩnh vực	Số lượt người dân, tổ chức đã giao dịch giải quyết TTHC	Số phiếu khảo sát trực tiếp	Số phiếu khảo sát trực tuyến	Kết quả khảo sát (số phiếu và %)					Ghi chú
					Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng	
I	Kết quả khảo sát tại UBND huyện									
1	Lĩnh vực Tư pháp – hộ tịch	123	0	02	02	0				
2	Lĩnh vực Tài chính- kế hoạch	171	0	92	44	48				
3	Lĩnh vực Lao động- TBXH	163	0	0	0	0				
4	Lĩnh vực Kinh tế hạ tầng	35	0	0	0	0				
5	Lĩnh vực Tài nguyên môi trường	463	0	0	0	0				
6	Lĩnh vực đất đai	4169	0	41	02	39				
7	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo	52	0	0	0	0				
8	Lĩnh vực Nội vụ	1	0	0	0	0				
	TỔNG	5177	0	135	48 (35,6%)	87 (64,4%)				
II. Kết quả khảo sát tại UBND cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện										

1	UBND xã An Khương	169	0	02	0	02	0			
2	UBND xã An Phú	92	0	90	86	4	0			
3	UBND xã Minh Tâm	56	0	02	0	02	0			
4	UBND xã Tân Hưng	178	0	0	0	0	0			
5	UBND xã Thanh An	582	0	0	0	0	0			
6	UBND thị trấn Tân Khai	349	0	266	79	185	02			
7	UBND xã Tân Quan	84	0	0	0	0	0			
8	UBND xã Minh Đức	47	0	7	0	7	0			
9	UBND xã Thanh Bình	489	0	0	0	0	0			
10	UBND xã Đồng Nơ	248	0	1	0	1	0			
11	UBND xã Phước An	105	0	66	0	66	0			
12	UBND xã Tân Lợi	228	0	30	0	30	0			
13	UBND xã Tân Hiệp	45	0	5	3	2	0			
Tổng		2672	0	469	168 (35,82%)	299 (63,8%)	02 (0,38%)			